TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 02/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Th; ĐKHKTT: Thôn N, xã H, huyện V, thành phố H1; chỗ ở: Q, xã N1, huyện T, tỉnh H1; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H2; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện V, thành phố H1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo chị Nguyễn Thị Th trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Th và anh Nguyễn Văn H2 kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, thành phố H1 từ ngày 06-3-2010. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H2 không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải, bản thân Chị Th, anh H2 đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Hiện vợ chồng sống ly thân. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H2.

2. Về con chung: Chị Th và anh H2 có 02 con chung là Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 23-9-2010 và Nguyễn Gia Linh, sinh ngày 14-4-2013. Hiện cả hai con chung do chị chăm sóc từ bé, chị nuôi dưỡng các cháu tốt. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thỏa thuận với anh H2, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị đang buôn bán tại nhà, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/01 tháng, đủ điều kiện nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H2 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập đến trụ sở Tòa án đề hỏi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện về việc ly hôn, anh Nguyễn Văn H2 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: giải quyết chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn H2; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 23-9-2010 và Nguyễn Gia Linh, sinh ngày 14-4-2013 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị không xét; về

tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xét; Chị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, bị đơn anh Nguyễn Văn H2: Chị Th, anh H2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, Chị Th vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H2 vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị Th, anh H2.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th kết hôn với anh Nguyễn Văn H2 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 06-3-2010, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống Chị Th và anh H2 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, tin tưởng nhau, vợ chồng đã ly thân nhau. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của Chị Th, anh H2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc Chị Th xin ly hôn anh H2 là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Chị Th được ly hôn anh H2.

[4] Về con chung: Chị Th và anh Nguyễn Văn H2 có 02 con chung là Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 23-9-2010 và Nguyễn Gia Linh, sinh ngày 14-4-2013. Xét thấy cháu Bảo, cháu Linh đã trên 07 tuổi, có đề nghị được ở với Chị Th; Chị Th có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo được điều kiện nuôi con, anh H2 không có ý kiến về đề nghị của Chị Th được nuôi cả hai con. Nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Chị Th về việc giao cháu Nguyễn Gia Bảo, Nguyễn Gia Linh cho Chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 56, 57 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn H2.

2- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 23-9-2010 và Nguyễn Gia Linh, sinh ngày 14-4-2013 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002181 ngày 21 tháng 01 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, Chị Th đã nộp đủ án phí.

4- Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt